

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HC-ST
Ngày 27-4-2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Bốn

Bà Diệp Huyền Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vụ án hành chính thụ lý số 02/2023/TLST-HC ngày 11 tháng 01 năm 2023 về khiếu kiện quyết định hành chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện C).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng L: Luật sư Nguyễn Tấn L1, Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện C)

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh

Cùng địa chỉ: Số B, khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy

ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Văn bản ủy quyền ngày 03/2/2023) (có mặt tại điểm cầu Ủy ban nhân dân huyện C)

Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Tấn Đ – Cán bộ công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tại điểm cầu thành phần: Ông Đinh Văn D – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông Nguyễn Minh K – Cán bộ Công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Từ năm 1972 ông L có tham gia cách mạng kháng chiến chống Mỹ. Đến năm 1983 ông L được phân công cùng Đoàn chuyên gia Việt Nam sang giúp nước bạn Campuchia. Từ tháng 10/1990 ông L được phân công giữ chức vụ T1 phòng khám đa khoa khu vực xã N nên được ông Lê Minh K1 là nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N và Phạm Văn T2 là nguyên Bí thư Đảng ủy xã N giao một nền nhà diện tích 79,2m², thuộc một phần thửa đất số 1973 và thửa số 1974 diện tích 73,2m², tọa lạc tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, ông L còn được giao căn nhà để ở trước đây là phòng giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C để làm phòng khám. Căn cứ khoản 7 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ông cho rằng đủ điều kiện được giao diện tích đất 79,2m² theo quy định.

Từ năm 2014 UBND xã N và UBND huyện C đã thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 62 hộ gia đình, cá nhân. Riêng ông L không được giao đất, ông đã làm đơn yêu cầu giao đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền.

Ngày 05/7/2022 UBND huyện C ra Công văn số 1610/UBND-NC trả lời với nội dung không chấp nhận đơn yêu cầu của ông L. Không đồng ý, ông L khiếu nại Công văn trên. Ngày 15/9/2022 Chủ tịch UBND huyện C ra Quyết định số 2928/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông L quyết định điều chỉnh Công văn số 1610/UBND-NC về việc ghi ngày nhận đơn đồng thời giữ nguyên nội dung của Công văn số 1610/UBND-NC, ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện C và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông. Nay ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện C; Hủy Quyết định số 2928/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hoàng L.

Đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 1973 và một phần của thửa số 1974 tờ bản đồ số 5, diện tích 79,2m² (theo tư liệu 2015), nằm một phần thửa 332, tờ bản đồ số 6, trong tổng diện tích 6.000m² (theo tư liệu 1996), tọa lạc ấp D, xã N do Ủy ban nhân dân xã N kê khai đăng ký qua các thời kỳ, trên đất có trụ sở Phòng giao dịch của Ngân hàng N chi nhánh huyện C. Do ông L là người có công với cách mạng nên vào khoảng năm 1990 ông Phạm Văn T2 là Bí thư Đảng ủy và ông Lê Minh K1 là Chủ tịch UBND xã xét đồng ý cho ông Nguyễn Hoàng L ở tạm khi nào Nhà nước cần thì ông L phải trả lại nhà và đất cho Nhà nước, chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản.

Tại Công văn số 23/2017/NHN₀CL ngày 20/9/2017 của Ngân hàng N chi nhánh huyện C xác định: Thời điểm phòng giao dịch ngưng hoạt động, bác sĩ Nguyễn Hoàng L có hỏi lãnh đạo Ngân hàng xin ở tạm khi nào Ngân hàng có sử dụng lại trụ sở để làm việc thì bác sĩ L sẽ di dời đi và được lãnh đạo ngân hàng đồng ý cho ở tạm. Phòng giao dịch tại xã N ngân hàng xây dựng trên đất của UBND xã quản lý, nay đã ngưng hoạt động, Ngân hàng giao lại cho U. Riêng ông Nguyễn Hoàng L, ngày 06/5/2005 được UBND huyện C giao đất có thu tiền sử dụng đất không qua đấu giá tại thửa số 230, tờ bản đồ số 23, diện tích 472,1m², loại đất thổ, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại Kết luận số 05/KL-TTr ngày 17/6/2020 của Chánh Thanh tra tỉnh Trà Vinh giao Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu ông Nguyễn Hoàng L trả lại phần đất đang sử dụng (phần đất phòng Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xã N) cho Nhà nước quản lý.

Vì điều kiện giao đất tại điểm g khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được nhà nước giao đất ở*”, nên ông Nguyễn Hoàng L không đủ điều kiện để được giao đất có thu tiền không thông qua đấu giá theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Nguyễn Hoàng L không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100, không đủ điều kiện được xem xét công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013. Nên UBND huyện C giữ nguyên Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện C. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Về trình tự thủ tục giải quyết, UBND huyện C có vi phạm về thời gian giải quyết, từ

ngày 09/9/2020 ông L có đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết giao đất đến ngày 29/4/2021 ông L tiếp tục khiếu nại thì Ủy ban nhân dân huyện C mới có công văn giải quyết yêu cầu của ông L. Về nội dung: Ông L tham gia cách mạng làm nhiệm vụ giúp nước bạn Campuchia theo quyết định 142 ông L được điều động về công tác tại xã N với nhiệm vụ Trưởng trạm y tế. Năm 1990 ông L được lãnh đạo xã cho nhà, đất ở và kinh doanh khám chữa bệnh, bán thuốc. Nhà này của phòng giao dịch của Ngân hàng N chi nhánh huyện C, không sử dụng trả lại cho UBND xã N quản lý từ năm 1990. Ông L được ở, từ đó đến nay trên 30 năm. Căn cứ vào Điều 182, 183, 203 của Bộ luật Dân sự ông L đủ điều kiện để được cấp quyền sở hữu nhà đất và ông L đã cải tạo phần lớn tài sản có trên đất. Tại kết luận số 05 của Thanh tra tỉnh Trà Vinh cũng không kết luận cho ông L đấu giá quyền sử dụng đất vì việc bán đấu giá không thể thực hiện được vì phải giải phóng mặt bằng, trên đất có nhà của ông L. Căn cứ khoản 2 Điều 100, ông L đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ công văn số 1610/UBND-NC và quyết định giải quyết khiếu nại số 2928/QĐ-UBND vì các văn bản trên UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C ban hành là không có cơ sở.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, người khởi kiện ông L yêu cầu hủy Công văn 1610 là khởi kiện “*Quyết định hành chính*” và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là khiếu kiện “*Quyết định giải quyết khiếu nại*”, nhưng Tòa án chỉ xác định vụ án khiếu kiện “*Quyết định hành chính*” là chưa đầy đủ vi phạm Điều 115 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Người khởi kiện, người bị kiện, người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính 2015.

Về nội dung: Ông L sử dụng nhà đất tại thửa 1973 và một phần thửa 1974 tổng diện tích 79,2m² trên 33 năm là đúng, nhưng việc ông ở trên đất này là ở tạm không phải chiếm hữu ngay tình, liên tục vì nguồn gốc đất thuộc Ủy ban nhân dân xã N quản lý cho ông L ở tạm, việc này ông L đã thừa nhận. Ông L cũng không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 19 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Về điều kiện được Nhà nước giao đất: Ông L đã được Ủy ban nhân dân huyện C giao thửa đất 230 diện tích 472,1m² tại ấp Đ, xã N, huyện C vào năm 2005 có thu tiền sử dụng đất, nên UBND huyện C xét không giao thửa đất 1973 và một phần thửa đất 1974 cho ông L là phù hợp quy định điểm g khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013. Đối với diện tích đất 472,1m² tại thửa 230 do ông L đứng tên, ông đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T3 vào ngày 16/01/2023 tức là

sau khi Ủy ban nhân dân xã N có chủ trương giao đất cho hộ dân sử dụng. Do đó, việc ông L nại ra cho rằng không có đất là không đúng sự thật.

Vì vậy, ông L yêu cầu hủy Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C và hủy Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện C; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện C; Quyết định giải quyết khiếu nại số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/6/2022 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 1610/UBND-NC về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng L; ngày 15/9/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 2928/QĐ-UBND đối với yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Hoàng L, đến ngày 13/10/2022 ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy hai văn bản trên. Xét thời gian từ khi ban hành hai quyết định hành chính trên đến khi ông L làm nộp đơn khởi kiện ra Tòa án là còn trong thời hạn 01 năm, do đó yêu cầu khởi kiện của ông L vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính được Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Thẩm quyền ban hành Quyết định: Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện C nội dung của công văn có tính chất giải quyết yêu cầu xin được cấp quyền sử dụng đất của ông L không được UBND huyện C chấp thuận nên đây là quyết định hành chính: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện C theo đúng quy

định của pháp luật. Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện C đối với Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện C mà ông L khiếu nại được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011.

[5] Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý. Việc Ủy ban nhân dân huyện C thụ lý giải quyết khiếu nại từ ngày 18/7/2022 nhưng đến ngày 15/9/2022 Chủ tịch UBND huyện C mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là trễ hạn 29 ngày so với quy định. Tuy nhiên, việc trễ hạn này không làm ảnh hưởng đến nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại nên không cần thiết phải hủy Quyết định giải quyết khiếu nại.

[6] Về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của ông L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã tiến hành thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại của ông L, thu thập tài liệu, báo cáo kết quả xác minh bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tổ chức đối thoại trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hoàng L được quy định tại các Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011.

[7] Xét về yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng L: Ông L yêu cầu được giao đất có thu tiền sử dụng đất thửa số 1973, một phần thửa 1974 diện tích 79,2m², tờ bản đồ số 5, loại đất ONT đất tọa lạc tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do ông đã được chính quyền địa phương giao cho ông sử dụng ổn định trên diện tích đất trên từ năm 1990, ông đã sử dụng ổn định từ đó đến nay, theo quy định của pháp luật thì ông đã đủ điều kiện được giao đất có thu tiền và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, việc ông Nguyễn Hoàng L ở trên thửa đất số 1973 và một phần của thửa số 1974 tờ bản đồ số 5, diện tích 79,2m² là ở tạm. Việc này được thể hiện tại lời khai của một số người làm chứng như ông Phạm Văn T2, ông Lê Minh K1 (BL93, 94, 112, 113) nguyên là Bí thư, Chủ tịch UBND xã N thời điểm đó đều thừa nhận diện tích đất mà ông L đang sử dụng là chính quyền địa phương cho ông L ở tạm. Tại Công văn số 23/2017/NHN₀CL ngày 20/9/2017 của Ngân hàng N chi nhánh huyện C cũng đã xác nhận (BL65-66): Ban giám đốc Ngân hàng có cho ông L ở tạm tại phòng giao dịch xã N trong thời gian ông L chưa có nhà riêng để ở, diện tích đất mà ông L ở là đất do UBND xã N quản lý. Đối chiếu với tư liệu địa chính thể hiện diện tích đất này từ trước đến nay đều do UBND xã N kê khai đăng ký qua các thời kỳ và thuộc quyền quản lý của UBND xã N.

Ông L khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào xác thực để chứng minh ông sử dụng nhà đất hợp pháp. Căn cứ theo quy định tại Điều 100,

101 của Luật Đất đai 2013 thì ông L không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy năm 2005, ông L đã được UBND huyện C giao đất tại thửa đất số 230, diện tích 472,1m², tọa lạc tại ấp Đ, xã N để làm nơi ở, do đó ông đã được giao đất rồi nên không đủ điều kiện để được giao đất theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 118 của Luật Đất đai 2013. Xét việc UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C giải quyết yêu cầu được giao đất có thu tiền không qua đấu giá và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông L là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị bổ sung quan hệ tranh chấp khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 115 Luật Tố tụng hành chính không quy định cụ thể Tòa án thụ lý xác định quan hệ tranh chấp khi xem xét tính hợp pháp của quyết định giải quyết khiếu nại. Đồng thời, tại Điều 30 quy định về những khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án không quy định cụ thể quyết định giải quyết khiếu nại quyết định hành chính là một quan hệ độc lập. Theo khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính quy định Quyết định hành chính bị khởi kiện “là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể và Quyết định này làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định hành chính cũng là quyết định hành chính của người có thẩm quyền trong cơ quan quản lý nhà nước ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính. Đồng thời, theo Điều 193 Luật Tố tụng hành chính quy định khi xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử có quyền xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện và các quyết định hành chính có liên quan. Vì vậy khi xác định quan hệ tranh chấp là “khiếu kiện quyết định hành chính” Tòa án vẫn có thể xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan. Do đó, Tòa án vẫn đảm bảo giải quyết vụ án đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần tranh luận tại phiên tòa và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Từ các phân tích trên xét thấy việc ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện yêu cầu Hủy Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện C; Hủy Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc giải quyết khiếu nại là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên ông L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông L có đơn xin miễn án phí, được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 12, khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L về yêu cầu hủy Công văn số 1610/UBND-NC ngày 27/6/2022 của UBND huyện C; Hủy Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc giải quyết khiếu nại.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng L được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trịnh Hữu Bình